

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/EB/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm:** NGŨ CỐC MUESLI VỚI NHO KHÔ VÀ HẠNH NHÂN

2. **Thành phần:** Lát nhỏ lúa kiều mạch hữu cơ (29%), lát nhỏ lúa mì hữu cơ (29%), lúa mì hữu cơ (18%), nho khô hữu cơ (15%), hạnh nhân hữu cơ (9%)

3. **Thời hạn sử dụng:** 70 ngày kể từ ngày sản xuất. Sử dụng tốt nhất trước hạn sử dụng in trên bao bì sản phẩm.

4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

Quy cách đóng gói: Đóng gói kín.

Khối lượng tịnh: 750 g.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tráng nhựa PE hoặc PP. Cam kết bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm**

Nhà sản xuất: Waitrose Limited Bracknell Berkshire

Địa chỉ: RG12 8YA UK

Xuất xứ: Vương Quốc Anh.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Nhãn chính và nhãn phụ sản phẩm đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

+ QCVN 8-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm).

+ QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm).

+ Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT (Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm).



Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 08 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)


LÊ BÌNH HÒA (PAUL LÊ)

Vice President
Import & Export Division



NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM



Tên sản phẩm: NGŨ CỐC MUESLI VỚI NHO KHÔ VÀ HẠNH NHÂN

Thành phần: Lát nhỏ lúa kiều mạch hữu cơ (29%), lát nhỏ lúa mì hữu cơ (29%), lúa mì hữu cơ (18%), nho khô hữu cơ (15%), hạnh nhân hữu cơ (9%)

Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp hoặc ăn kèm với sữa

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, sau khi mở nắp bảo quản trong hộp kín khí.

Khối lượng tịnh: 750 g

Ngày sản xuất: .../.../...

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước ngày xem trên bao bì sản phẩm

Cảnh báo an toàn: Sản phẩm có chứa các thành phần gây dị ứng gồm: gluten, lúa kiều mạch, lúa mì, nho khô, hạnh nhân. Trẻ nhỏ có thể bị ngẹn hạt.

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423

Nhà sản xuất: Waitrose Limited Bracknell Berkshire

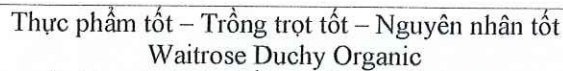
Địa chỉ: RG12 8YA UK

Xuất xứ: Vương Quốc Anh

Số TCB: 08/EB/2019

NHÃN CHÍNH SẢN PHẨM







Waitrose
DUCHY
Hữu cơ

Được trồng không có hóa chất và phân bón nhân tạo
NGŨ CỐC MUESLI
VỚI NHO KHÔ VÀ HẠNH NHÂN

Ủng hộ từ thiện của hoàng tử

Tốt cho sức khỏe

Chất xơ cao



Trong 100 g	Trong phần 45g đã bán cung cấp:				
Năng lượng	Năng lượng	Chất béo	Chất béo bão hòa	Đường	Lượng nhỏ
1573kJ	708kJ	3.7g	0.5g	5.9g	Muối
374kcal	168kcal	8%	3%	7%	<1%

good food · good farming · good causes

Waitrose Duchy Organic

A wholesome organic mix of wheat and oat flakes with raisins and almonds.



High in fibre

Carbohydrates help your brain to function. This effect is obtained with a daily intake of 100g of carbohydrates. A balanced diet, with frequent activity, supports a healthy lifestyle. We promise to be the common sense voice of healthy eating. waitrose.com/goodhealth for more information.

Ingredients: Organic oat flakes (20%), organic wheat flakes (20%), organic wheat (18%), organic raisins (15%), organic almonds (25%).

ALLERGY ADVICE: For allergens, including cereals containing gluten, see ingredients in bold. May also contain other nuts.

STORAGE: Store in a cool dry place.

Once opened store in an airtight container and use within one month. For best before and date see top of pack.

WARNING: Small children can choke on nuts.

Waitrose Limited, 100-110, Market Street, 100-110, Market Street, 100-110, Market Street, 100-110, Market Street.

© 2012 Waitrose Ltd. waitrose.com



CE 045 05
EU Agriculture

750g e

NUTRITION

TYPICAL VALUES AS SOLD	PER 100g	PER 45g SERVING WITH 125ml OF 3.6% SKIMMED MILK
Energy (kJ)	1573	953
Energy (kcal)	374	226
Fat	3.7g	1.7g
of which saturates	0.5g	0.2g
Carbohydrate	68.2g	30.7g
of which sugars	5.9g	2.7g
Fibre	8.6g	3.9g
Protein	9.6g	4.3g
Salt	0.03g	0.01g

waitrose.com/nutrition

kJ = 1/10 of your daily reference intake.
The pack contains 10 servings.
This product is packed to weight not volume.
Contents may settle after packing.



good causes

Sales of Waitrose Duchy Organic products provide a donation to The Prince of Wales's Charitable Foundation.

This year, over £2.5m will be donated to the Foundation, supporting good causes such as the Duchy Future Farming Programme, which helps farmers develop more sustainable farming practices.

See www.waitrose.com/organic
Registered Charity 1127255
(England and Wales)



Số/Code: 1906047/KQKN

Mã số/ID: 1905327-1

Trang/page 1 | 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Tên khách hàng: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB
Client

Địa chỉ: 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Address 163 Phan Dang Luu Street, Ward 1, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City

Tên mẫu: NGŨ CỐC MUESLI VỚI NHO KHÔ VÀ HẠNH NHÂN
Name of sample

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm, chứa trong hộp giấy kín
State of Sample Sample finished, contained in sealed paper box

Ngày nhận mẫu: 27/05/2019
Date of receiving

Thời gian thử nghiệm: 27/05 – 01/06/2019
Test period

Ngày trả kết quả: 03/06/2019
Date of issue

Kết quả: Xem trang 2/2
Results: View page

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận theo ISO/IEC 17025:2005
KPH: Không phát hiện. LOD: Giới hạn phát hiện
Chỉ tiêu 15 - 19 có ngưỡng phát hiện = 10 CFU/g
(b): Chỉ tiêu được Cục An Toàn Thực Phẩm - Bộ Y Tế chỉ định
(c): Chỉ tiêu được Bộ Công Thương chỉ định

Note: (*): Parameters accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2005)
ND: Not Detected. LOD: Limit of detection
Limit of detection of 15th – 19th parameters is 10 CFU/g
(b): Parameters decided by Vietnam Food Administration (VFA)–Ministry of Health (MOH)
(c): Parameters appointed by Ministry of Industry and Trade

Phụ trách PTN
Head of laboratory


Nguyễn Kim Liễu

GIÁM ĐỐC
Director


Nguyễn Thị Hồng

- Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request
- Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Công Ty TNHH DV KHCN Khuê Nam
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of director Khuê Nam.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TT No.	CHỈ TIÊU PARAMETERS	ĐƠN VỊ UNIT	KẾT QUẢ RESULT	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD
01	Năng lượng Energy	Kcal/100g	375	Được tính từ protein, carbohydrate, lipid Calculated from protein, carbohydrate, lipid
02	Protein	%	9.38	AOAC 991.20(*)
03	Lipid	%	7.89	Ref. AOAC 948.22(*)
04	Carbohydrate	%	66.7	TCVN 4594:1988(*)
05	Tro tổng Ash	%	1.75	AOAC 941.12(*)
06	Độ ẩm Moisture	%	10.3	AOAC 931.04(*)
07	Chì (Pb) Lead (Pb)	mg/kg	KPH / ND (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*) (b)(c)
08	Cadimi (Cd) Cadmium (Cd)	mg/kg	KPH / ND (LOD=0.01)	AOAC 999.11(*) (b)(c)
09	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) Total Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH / ND (LOD=0.4)	Ref. AOAC 2005.08(c)
10	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH / ND (LOD=0.4)	Ref. AOAC 2005.08(c)
11	Ochratoxin A	µg/kg	KPH / ND (LOD=0.9)	Ref. AOAC 2000.03(c)
12	Deoxynivalenol	µg/kg	KPH / ND (LOD=100)	Journal of Food and Nutrition research, Vol.49, 2010, No.2, p.57-68 & AOAC 986.17(c)
13	Zearalenone	µg/kg	KPH / ND (LOD=10)	Ref. TCVN 9591:2013(c)
14	Tổng số vi khuẩn hiếu khí Total Plate Count	CFU/g	7.0 x 10 ¹	ISO 4833-1:2013(*) (b)
15	Coliforms	CFU/g	Không phát hiện Not Detected	ISO 4832:2006(*) (b)
16	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	Không phát hiện Not Detected	AOAC 975.55(*)
17	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	Không phát hiện Not Detected	ISO 7937:2004(*) (b)(c)
18	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc Total yeasts and moulds	CFU/g	Không phát hiện Not Detected	ISO 21527-2:2008(*) (b)
19	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	Không phát hiện Not Detected	ISO 7932:2004(*) (b)
20	<i>Escherichia coli</i>	MPN/g	0	ISO 16649-3:2015(*)